

Số: 1594/2002/QĐ-UB

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 6 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA ỦY BAN NHÂN TỈNH**  
**Về việc ban hành bản Quy chế quản lý bảo vệ môi trường**  
**tỉnh Thái Nguyên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định 175/CP, ngày 18/10/1994 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường.
- Theo đề nghị của Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tại Tờ trình số 114/ TT-KCM, ngày 25/3/2002

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Nay ban hành kèm theo Quyết định này Bản quy chế quản lý bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

**Điều 2:** Giao cho Sở Khoa học - Công nghệ và Môi trường tỉnh chủ trì phối hợp với Sở Tư Pháp và các ngành liên quan hướng dẫn các địa phương, đơn vị và cá nhân liên quan trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện. In và phát hành rộng rãi để các địa phương, đơn vị, nhà trường và nhân dân tìm hiểu, thực hiện nghiêm Quy chế quản lý, bảo vệ môi trường của tỉnh.

**Điều 3:** Các Ông Chánh văn phòng HĐND và UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, nhà trường, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố, Thị xã và các cá nhân hoạt động trên địa bàn tỉnh có sử dụng và tác động vào các thành phần môi trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Nội nhân:**

- TT tỉnh uỷ
- TT HĐND tỉnh
- CT và các PCT
- Bộ KHCN&MT
- Bộ tư pháp
- Như điều 3 (T. hiện)
- Lưu VT, VX, -SXKD, 5

TM/ ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

**CHỦ TỊCH**



**Lương Đức Tính**

*See*

22

# QUY CHẾ QUẢN LÝ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỈNH THÁI NGUYÊN

( Ban hành theo Quyết định số : 1593 /QĐ-UB, ngày 04 tháng 6 năm 2002  
của UBND tỉnh Thái Nguyên) *Sol*

## CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

**Điều 1:** Quy chế này cụ thể hoá các văn bản pháp luật Nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên. Mọi hoạt động trong sinh hoạt, sản xuất kinh doanh của các tổ chức, cá nhân (kể cả tổ chức, cá nhân người nước ngoài) trên địa bàn tỉnh đều phải tuân theo các văn bản pháp luật bảo vệ môi trường của Nhà nước và nội dung của bản quy định này.

**Điều 2:** Bảo vệ môi trường là trách nhiệm của toàn dân, các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh đều phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định BVMT của Nhà nước, của tỉnh, chấp hành các chế độ thanh kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường và có trách nhiệm đóng góp tài chính theo quy định của Nhà nước cho việc quản lý, bảo vệ môi trường của tỉnh.

**Điều 3:** Các tổ chức, cơ sở sản xuất kinh doanh khi xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển KT-XH ngắn hạn, dài hạn nhất thiết phải có nội dung về bảo vệ môi trường đảm bảo phát triển theo hướng bền vững và được cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường của tỉnh thẩm định, phê chuẩn mới được triển khai.

**Điều 4:** Mọi hoạt động của các tổ chức, cá nhân có sử dụng các thành phần môi trường và có tác động vào các thành phần môi trường đều phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường (gọi tắt là ĐTM), thực hiện kiểm soát ô nhiễm và báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm với cơ quan quản lý bảo vệ môi trường của tỉnh. Mọi chi phí cho việc lập, thẩm định báo cáo ĐTM, kiểm soát ô nhiễm do cơ sở chịu trách nhiệm.

**Điều 5:** Các tổ chức, cá nhân có hoạt động dịch vụ trong lĩnh vực lấy mẫu, phân tích các thành phần môi trường, lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường, thực hiện kiểm soát ô nhiễm đối với các cơ sở sản xuất - kinh doanh - dịch vụ (SX-KD-DV) trên địa bàn tỉnh phải là các đơn vị, cá nhân có đủ điều kiện cần thiết về chuyên môn, nghiệp vụ, trang thiết bị, có tư cách pháp nhân và phải có giấy phép hành nghề hợp pháp.

**Điều 6:** UBND tỉnh Thái Nguyên khuyến khích mọi tổ chức cá nhân trong ngoài nước đầu tư áp dụng những tiến bộ khoa học, công nghệ mới vào việc bảo vệ và cải thiện môi trường của tỉnh và nghiêm cấm mọi hoạt động sản xuất kinh doanh làm ảnh hưởng xấu tới môi trường, làm phương hại đến sự bền vững của môi trường.

## CHƯƠNG II

### BẢO VỆ CÁC THÀNH PHẦN MÔI TRƯỜNG, PHÒNG CHỐNG Ô NHIỄM, SUY THOÁI VÀ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

**Điều 7:** Mọi hoạt động của các tổ chức, cá nhân không được thải vào không khí các chất độc hại, các chất có mùi hôi thối, gây bệnh, ăn mòn vật liệu và có tác động xấu khác đối với người và sinh vật quá giới hạn cho phép trong các tiêu chuẩn quy định.

**Điều 8:** Các phương tiện giao thông khi lưu thông trên đường bộ, đường sắt, đường thủy không được thải khói, xăng dầu, khí độc vượt quá tiêu chuẩn quy định. Các loại xe súc vật kéo phải thực hiện các biện pháp bảo đảm giữ gìn vệ sinh chung.

**Điều 9:** Việc vận chuyển, kinh doanh, sử dụng, tàng trữ và bảo quản các chất dễ cháy, nổ (xăng, dầu, các chất dung môi hữu cơ, thuốc nổ...) phải bảo đảm tiêu chuẩn an toàn theo quy định của phòng cháy chữa cháy không để xảy ra sự cố môi trường.

**Điều 10:** Mọi hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của các tổ chức cá nhân không được thải vào các nguồn nước (nước mặt và nước ngầm) các loại chất độc hại, dầu mỡ, chất phóng xạ, chất hữu cơ, vi trùng... vượt quá tiêu chuẩn quy định cho phép.

**Điều 11:** Các chất thải độc hại từ các cơ sở y tế, các cơ sở nghiên cứu, cơ sở thí nghiệm, cơ sở sản xuất kinh doanh có chất phóng xạ và hoá chất độc hại nguy hiểm tuyệt đối không được đổ vào bãi rác công cộng, vào các nguồn nước, vào môi trường xung quanh và phải có giải pháp xử lý riêng không gây ô nhiễm môi trường.

**Điều 12:** Việc xây dựng bãi rác, xử lý rác công cộng phải được quy hoạch và xây dựng theo đúng quy định kỹ thuật không gây ô nhiễm môi trường, có sức chứa ít nhất 8 đến 15 năm, và phải xa khu dân cư đúng quy định khoảng cách an toàn vệ sinh.

**Điều 13:** Việc xây dựng nghĩa trang, mai táng, bốc mộ, di chuyển hài cốt phải đảm bảo vệ sinh theo đúng quy định của Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân. Trước khi quy hoạch và xây dựng nghĩa trang ở địa phương nhất thiết phải có ý kiến của ngành y tế, chính quyền sở tại và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt mới được xây dựng.

**Điều 14 :** Cấm gây cháy rừng, khai thác rừng trái phép hoặc các hành vi phá huỷ các di tích thiên nhiên gây tổn hại tới tài nguyên và phá vỡ đa dạng sinh học rừng và tài nguyên du lịch. Cấm việc săn bắt, khai thác, buôn bán động, thực vật hoang dã quý hiếm ghi trong danh mục cấm của nhà nước.

24

**Điều 15:** Cấm khai thác các nguồn thủy sản đến mức cạn kiệt quá mức phục hồi. Cấm dùng lưới có kích thước mắt lưới quá nhỏ. Nghiêm cấm sử dụng các loại chất độc, chất nổ hoặc bằng xung điện để đánh bắt thủy sản.

**Điều 16:** Cấm mọi hoạt động sản xuất kinh doanh gây thay đổi xấu tới tiểu khí hậu, thủy văn, gây sạt lở, xói mòn đất và gây phương hại tới hệ đa dạng sinh thái tự nhiên trên địa bàn tỉnh.

**Điều 17:** Khi xảy ra sự cố môi trường, mọi tổ chức, cá nhân phải lập tức có biện pháp khắc phục sự cố và báo ngay cho các cấp chính quyền nơi xảy ra sự cố và các cơ quan quản lý môi trường để có biện pháp giúp đỡ xử lý và giải quyết triệt để. Các tổ chức, cá nhân nào gây thiệt hại môi trường phải bồi thường thiệt hại hoặc bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

### CHƯƠNG III

## BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ VÀ CÁC KHU TẬP TRUNG DÂN CƯ

**Điều 18:** Các tổ chức được giao nhiệm vụ quy hoạch phát triển các đô thị, khu tập trung dân cư phải qui hoạch các công trình bảo vệ môi trường. Các qui hoạch này chỉ được phê duyệt và thực hiện sau khi được cơ quan có thẩm quyền xem xét, đánh giá không có tác động xấu tới môi trường .

**Điều 19:** Tổ chức, cá nhân có sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác nằm xen kẽ khu dân cư phải có biện pháp xử lý chất thải bảo đảm môi trường, phòng chống ô nhiễm, suy thoái môi trường, giữ gìn vệ sinh môi trường, không gây ra tiếng ồn vượt quá tiêu chuẩn cho phép gây ảnh hưởng xấu tới dân cư.

**Điều 20:** Các dự án đầu tư mới phải tuân thủ theo quy hoạch của ngành và khu vực lãnh thổ đảm bảo kiểm soát tốt các yếu tố gây ô nhiễm môi trường.

**Điều 21 :** Khi xây dựng các khu dân cư, công sở, nơi sinh hoạt công cộng... nhất thiết phải có hệ thống phòng cháy, chữa cháy, các công trình vệ sinh, cấp thoát nước, thu gom chất thải và cây xanh đạt trên 15%-20% diện tích. Nghiêm cấm vứt bỏ thải rác bệnh viện, rác công nghiệp, dầu mỡ và các chất độc hại chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn vào môi trường các khu dân cư.

**Điều 22:** Các phương tiện giao thông khi hoạt động trong khu vực thành phố, thị xã, thị trấn phải được che đậy, không được làm rơi vãi nguyên, nhiên vật liệu... đang vận chuyển và không được gây ồn, rung quá tiêu chuẩn cho phép.

**Điều 23:** Các tổ chức, cá nhân được giao làm vệ sinh và môi trường của thành phố, thị xã, thị trấn chịu trách nhiệm quản lý toàn diện hệ thống thu gom xử lý rác thải, nước thải đảm bảo vệ sinh và phát triển cây xanh đô thị, tuyệt đối không được để xảy ra ô nhiễm và sự cố môi trường và chỉ được dọn vệ sinh công cộng vào thời điểm có ít người hoạt động nhất.

25

**Điều 24:** Ban quản lý các chợ, siêu thị, nhà ga, bến xe... trong đô thị và các khu tập trung dân cư chịu trách nhiệm quản lý các hệ thống bảo vệ môi trường do hoạt động chợ, siêu thị, nhà ga, bến xe... gây ra và hướng dẫn bảo vệ vệ sinh môi trường cho người buôn bán, vận chuyển hàng hoá và phối hợp với các đơn vị thu gom rác thải, nước thải để xử lý triệt để chất thải trong ngày.

## CHƯƠNG IV

### BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN VÀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP

**Điều 25:** Các tổ chức được giao nhiệm vụ lập dự án quy hoạch, kế hoạch và xây dựng các công trình phát triển kinh tế xã hội và sản xuất nông nghiệp ở nông thôn phải gắn kết với bảo vệ môi trường. Các quy hoạch này chỉ được phê duyệt và thực hiện sau khi được xem xét đánh giá tác động môi trường và các phương án xử lý chất thải bảo vệ môi trường.

**Điều 26:** Việc khai thác đất nông nghiệp, đất lâm nghiệp vào mục đích trồng trọt, chăn nuôi phải đảm bảo theo đúng kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Chỉ được áp dụng các biện pháp kỹ thuật canh tác bền vững chống làm nghèo dinh dưỡng, sỏi mòn, rửa trôi đất.

**Điều 27:** Mọi hoạt động của tổ chức cá nhân trong việc kinh doanh, tàng trữ và sử dụng thuốc bảo vệ thực vật phải theo đúng hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Cấm sử dụng thuốc bảo vệ thực vật trong danh mục cấm ở Việt Nam. Không vứt bao bì đựng thuốc ra môi trường. Các tổ chức có thẩm quyền thu giữ thuốc BVTV cấm sử dụng nhất thiết phải thu tiền xử lý, tiêu huỷ thuốc đã thu giữ và phải tiêu huỷ ngay theo quy định, tuyệt đối không làm ảnh hưởng xấu tới môi trường.

**Điều 28:** Việc xây dựng đường, trường học, nhà trẻ, trạm y tế, chợ, nhà ở và các công trình khác phải theo đúng quy hoạch của địa phương, có đầy đủ các công trình vệ sinh, cây xanh, tuyệt đối không được thải các chất thải làm ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí... gây mất vệ sinh và cảnh quan môi trường.

**Điều 29:** Trong các hộ gia đình phải xây dựng nhà xí, chuồng trại chăn nuôi và các công trình phục vụ sản xuất, sinh hoạt có nguồn gây ô nhiễm cách nguồn nước theo đúng khoảng cách quy định, phải tích cực tham gia bảo vệ nguồn nước. Nghiêm cấm phóng uế bừa bãi, hoặc thải trực tiếp các chất thải sinh hoạt chưa xử lý vào môi trường.

**Điều 30:** Khuyến khích trồng rừng, trồng cây ăn quả, cây công nghiệp, cây xanh kết hợp chặt chẽ với trồng cây phòng hộ, cây chống xói mòn, cây phủ xanh đất trống đồi núi trọc. Cấm mọi tổ chức cá nhân nhập các giống cây, giống con chưa được phép của cơ quan nông nghiệp có thẩm quyền và ngoài quy hoạch của địa phương. Nghiêm cấm việc lưu thông, giết mổ, vứt bỏ động vật mang mầm mống bệnh, dịch bệnh gây ô nhiễm môi trường.

**Điều 31:** Những cơ sở sản xuất chế biến nông, lâm, thủy sản, hành nghề tiểu thủ công khác phải xây dựng cách xa nhà ở để tránh hỏa hoạn, bụi, khí độc, nóng, ồn ảnh hưởng tới sức khỏe của con người và cấm hoạt động vào thời điểm gây thiệt hại đối với cây trồng đang ra hoa kết trái.

**Điều 32:** Mỗi xã, xóm, thôn, làng, bản, phải gắn nội dung vệ sinh môi trường với nội dung hoạt động làng xã văn hoá, có quy định trong hương ước về vệ sinh môi trường và phải có vệ sinh viên tự quản. Toàn dân phải tham gia dọn vệ sinh đường làng, ngõ xóm và các nơi sinh hoạt công cộng ít nhất 15 ngày một lần do trưởng xóm, trưởng thôn và các vệ sinh viên tự quản điều hành. Rác thải dọn vệ sinh phải được thu gom xử lý tập trung ủ làm phân bón cho cây trồng khi đã tới mục.

**CHƯƠNG V**

**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP, KHAI THÁC, CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN**

**Điều 33:** Quy hoạch các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh phải phù hợp với đặc điểm môi trường cụ thể của tỉnh, phải đưa ra được các phương án bảo vệ môi trường có đủ các hệ thống thoát nước mưa, thu gom xử lý nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại, đảm bảo diện tích cây xanh, khoảng cách an toàn tới khu tập trung dân cư và phải có đầy đủ các công trình phòng chống ô nhiễm, sự cố môi trường.

**Điều 34:** Các tổ chức cá nhân đầu tư kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp khi tiến hành xây dựng khu công nghiệp phải triệt để tuân thủ theo đúng quy hoạch, thiết kế cơ sở hạ tầng đảm bảo mọi hoạt động đạt tiêu chuẩn môi trường, phòng chống ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường đã được các cấp quản lý có thẩm quyền phê duyệt.

**Điều 35:** Các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp, chế biến khoáng sản phải thực hiện kiểm soát ô nhiễm định kỳ theo quy định ít nhất 01 năm 01 lần và lập Báo cáo bảo vệ môi trường, kiểm soát ô nhiễm trình cơ quan quản lý môi trường của tỉnh và nhà nước.

**Điều 36:** UBND tỉnh khuyến khích các tổ chức, cá nhân khai thác, chế biến, tận thu khoáng sản để phát triển kinh tế - xã hội nhưng phải BVMT và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên theo hướng phát triển bền vững. Mọi hoạt động thăm dò và khai thác tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh phải tuân theo đúng quy định của Luật Khoáng sản, Nghị định 68/CP hướng dẫn thi hành luật khoáng sản và quy định khai thác chế biến khoáng sản của tỉnh.

**Điều 37:** Cấm các hình thức hoạt động trong khai khoáng, thăm dò địa chất, khai thác nước ngầm... gây tác hại cho các nguồn nước dẫn đến suy giảm, cạn kiệt và gây nhiễm bẩn nguồn nước. Các giếng khoan, giếng đào không sử dụng phải được lấp theo đúng quy định của ngành địa chất.

27

**Điều 38:** Tổ chức, cá nhân được phép hoạt động khoáng sản phải sử dụng công nghệ, thiết bị, tiên tiến để chống thất thoát tài nguyên và hạn chế tối đa tác động xấu đến các thành phần môi trường, phải có quy hoạch bãi thải, có biện pháp kỹ thuật phòng chống sạt lở, trôi dạt đất, đá và các chất thải rắn gây bồi lấp sông suối, ruộng, đất... thực hiện hoàn thổ phục hồi môi trường theo đúng quy định.

**Điều 39:** Khi sử dụng các hoá chất độc hại, chất dễ cháy nổ trong khai thác, chế biến khoáng sản phải có chứng chỉ kỹ thuật và chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan nhà nước chuyên ngành. Tuyệt đối không được sử dụng các hoá chất độc hại bị cấm. Các chất thải chứa các hoá chất độc hại, khó phân huỷ phải được xử lý theo công nghệ riêng không được thải vào các khu chứa chất thải sinh hoạt.

**Điều 40:** Việc xử lý chất phóng xạ trong hoạt động thăm dò, khai thác chế biến khoáng sản phải được phép của các cơ quan có thẩm quyền và phải thực hiện nghiêm chỉnh các qui định của nhà nước về sản xuất, vận chuyển, sử dụng, cất giữ chất phóng xạ.

**Điều 41:** Nghiêm cấm việc khai thác khoáng sản tự do, trái phép ngoài quy hoạch gây thất thoát tài nguyên và ảnh hưởng xấu tới môi trường.

**Điều 42:** Tổ chức, cá nhân trong quá trình khai thác chế biến khoáng sản gây ra sự cố môi trường phải lập tức có các biện pháp xử lý, khắc phục sự cố và báo ngay cho chính quyền địa phương sở tại và cơ quan có thẩm quyền để giải quyết. Nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo qui định của pháp luật.

**Điều 43:** Tất cả các tổ chức, cá nhân được phép khai thác, chế biến khoáng sản, phải làm Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo qui định của Luật Bảo vệ môi trường. Các dự án khai thác, chế biến khoáng sản chỉ được cấp giấy phép thực hiện sau khi có Báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án bảo vệ môi trường được cơ quan quản lý môi trường xem xét phê duyệt và chỉ được phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh sau khi đã ký quỹ để đảm bảo cho việc phục hồi môi trường.

## CHƯƠNG VI

### BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HOÁ VÀ DU LỊCH

**Điều 44:** Mọi hoạt động trong khu di tích lịch sử, văn hoá không được gây ô nhiễm môi trường, làm tổn hại phá vỡ cảnh quan tại các khu di tích lịch sử, văn hóa và du lịch.

**Điều 45:** Nghiêm cấm việc mang vào và sử dụng các chất dễ cháy nổ, vũ khí đạn dược các chất độc hại và tiến hành các cuộc thí nghiệm có dùng các chất độc hại vào trong khuôn viên các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh.

**Điều 46:** Khi trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh không được dùng các loại nguyên vật liệu có ảnh hưởng tới môi trường xung quanh và sức khỏe con người. Khi bắt buộc phải dùng đến các nguồn phóng xạ, các chất độc hại để xác định, bảo quản hiện vật phải có kế hoạch xử lý hết dư lượng của phóng xạ và chất độc hại, làm sạch môi trường trước khi cho khách vào thăm quan. Cấm không được thải các chất thải trên ra sông suối và môi trường xung quanh.

**Điều 47:** Trong khuôn viên các di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh phải có biển nội quy, biển hiệu quy định việc bảo vệ môi trường và cấm vứt bỏ, thải các chất thải sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh, dịch vụ vào môi trường, gây ô nhiễm môi trường.

**Điều 48:** Việc xây dựng các cơ sở hạ tầng đường, điện, các công trình công nghiệp đặc biệt đối với khai thác, chế biến khoáng sản không được triển khai ở khu vực I và II của khuôn viên di tích lịch sử văn hóa và danh lam thắng cảnh. Trường hợp bắt buộc phải xây dựng nhất thiết phải được sự đồng ý của các cấp có thẩm quyền.

**Điều 49:** Nghiêm cấm săn bắt thú rừng, các động vật quý hiếm, buôn bán, giết mổ các động vật, thú rừng quý hiếm ở các khu vực xung quanh và trong khu di tích lịch sử, văn hóa, du lịch và danh lam thắng cảnh.

## CHƯƠNG VII

### BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG LƯU VỰC SÔNG CẦU

**Điều 50:** Nghiêm cấm mọi hoạt động của các tổ chức, cá nhân trên lưu vực sông Cầu thải các loại chất thải độc hại, chưa xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường cho phép vào nguồn nước sông Cầu. Việc quy hoạch xây dựng các bãi chứa chất thải, các kho hoá chất độc hại, kho thuốc bảo vệ thực vật, các kho thuốc nổ, khu chôn chất thải phóng xạ, rác thải, khu nghĩa trang phải tuân theo các quy định của Luật Bảo vệ sức khỏe nhân dân, Luật tài nguyên nước, Luật Bảo vệ môi trường, đảm bảo hợp vệ sinh, không gây ô nhiễm nguồn nước.

**Điều 51:** Không được khai thác cát sỏi tại các khu vực cấm khai thác đã được UBND tỉnh quy định. Trong quá trình khai thác không được để tình trạng gây ách tắc giao thông, cản trở dòng chảy, biến dạng dòng chảy, gây sạt lở, bồi lấp lấn chiếm dòng chảy. Thực hiện nghiêm túc quy định của nhà nước đối với các hoạt động thăm dò, khai thác cát sỏi và nạo vét kết hợp tận thu cát sỏi lòng sông.

**Điều 52:** Các phương tiện giao thông trên sông, không được thải đổ các loại rác thải, hoá chất, dầu, mỡ, các chất độc hại khác xuống dòng nước mà

phải thu gom vận chuyển đến nơi quy định. Không được gây cản trở dòng chảy, hư hại lòng sông, bờ sông và các công trình trên sông, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

**Điều 53:** Việc khai thác khoáng sản, khai thác rừng... trên lưu vực sông Cầu phải theo đúng quy hoạch, không được xâm phạm và ảnh hưởng tới dòng chảy, tránh gây xói mòn, trôi lấp, bồi lắng lòng sông... dẫn đến tình trạng lũ lụt hoặc cạn kiệt nguồn nước sông Cầu.

**Điều 54:** Việc xây dựng các công trình thủy lợi, đề điều công trình giao thông thủy phải tuân theo quy hoạch và phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường và được cấp có thẩm quyền phê duyệt đảm bảo an toàn cho các công trình thủy lợi, giao thông.

**Điều 55:** Việc nuôi trồng thủy sản trên dòng sông và lưu vực không được gây ách tắc dòng chảy, hạn chế tối đa việc gây ô nhiễm nguồn nước.

## CHƯƠNG VIII

### BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÙNG HỒ NÚI CỐC

**Điều 56:** Vùng hồ Núi Cốc được quy định bảo vệ môi trường bao gồm: Toàn bộ hệ thống công trình thủy lợi ứng với cao trình 50 m, một đập chính, 7 đập phụ, tràn xả lũ, cống lấy nước, đường quản lý và tràn xả trên kênh khu đầu mối và các công trình xây lắp trên hồ; hành lang bảo vệ được quy định cụ thể theo pháp lệnh khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi ngày 31/8/1999 về lưu vực chính của hồ Núi Cốc, khu vực rừng phòng hộ; khu vực dịch vụ du lịch và khu vực nuôi trồng thủy sản

**Điều 57:** Mọi hoạt động sản xuất, sinh hoạt, dịch vụ, du lịch, nuôi trồng thủy sản... của các tổ chức, cá nhân, đơn vị vũ trang nhân dân tại khu vực hồ Núi Cốc phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định về Bảo vệ Môi trường và có trách nhiệm đóng góp tài chính cho việc bảo vệ và quản lý môi trường vùng hồ Núi Cốc.

**Điều 58:** Các công trình xây dựng trong khu vực xung quanh hồ Núi Cốc phải được thiết kế và xây dựng theo đúng quy hoạch, giảm đến mức thấp nhất sự biến đổi cảnh quan môi trường. Sau khi đã hoàn thành việc xây dựng, chủ công trình phải thu dọn vật liệu xây dựng, không thải, đổ bừa bãi gây ô nhiễm môi trường. Nghiêm cấm việc xây dựng các công trình lấn chiếm lòng hồ làm mất cảnh quan môi trường và ảnh hưởng tới các công trình thủy lợi, rừng phòng hộ... gây ra ô nhiễm môi trường vùng hồ.

**Điều 59:** Việc quản lý, bảo vệ và khai thác Công trình đại thủy nông Núi Cốc được thực hiện theo quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên. Tất cả các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, du lịch, nuôi trồng thủy sản không được làm ảnh hưởng tới công trình thủy nông Núi Cốc.

30

**Điều 60:** Việc nuôi thả cá, khai thác thủy sản trên hồ phải đảm bảo vệ sinh môi trường, theo đúng quy hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nghiêm cấm việc sử dụng phân tươi để chăn nuôi cá và thủy sản làm ảnh hưởng tới môi sinh, môi trường trong lòng hồ, trên hệ thống kênh mương hồ Núi Cốc .

**Điều 61:** Nghiêm cấm việc chặt phá, khai thác các loài cây trong khu vực lòng hồ, rừng đầu nguồn. Không được trồng các loại cây có thể các chất ảnh hưởng tới môi trường nước và hệ động thực vật trong khu vực hồ. Các tổ chức và cá nhân đến thăm quan du lịch trong khu vực hồ phải tuân theo nội quy, quy định bảo vệ hồ. Không được chặt phá, bẻ cây cối, vứt rác bừa bãi và lầy, bắt các loại động thực vật trong khu vực hồ Núi Cốc.

**Điều 62:** Tất cả các cơ sở dịch vụ khu du lịch, đều phải có công trình thu gom xử lý chất thải. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải phải đảm bảo vệ sinh môi trường và phải được xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định trước khi thải xuống hồ. Nghiêm cấm thải các chất thải rắn, nước thải, xăng, dầu, mỡ, phân, rác, vỏ chai, vỏ đồ hộp... xuống hồ. Các cơ sở kinh doanh dịch vụ, du lịch, nhà hàng, khách sạn không được phép kinh doanh các loại động vật quý hiếm trong danh mục đã được nhà nước quy định.

**Điều 63:** Các bến bãi neo đậu tàu thuyền, các loại phương tiện giao thông khi lưu thông trong khu vực lòng hồ không được thải khói, xăng, dầu, khí độc, tiếng ồn vượt quá tiêu chuẩn quy định và phải có các thiết bị ngăn ngừa ô nhiễm môi trường như: két chứa nước thải, thùng chứa rác thải, bình chứa dầu rò rỉ... để thu gom các chất thải vận chuyển lên bờ để xử lý, cấm thải các chất thải sinh hoạt trực tiếp xuống hồ.

**Điều 64:** Nghiêm cấm việc sử dụng hoá chất để tẩy rửa quặng khoáng sản trong các hoạt động khai thác đào bới, sàng đãi quặng và thải trực tiếp các chất thải rắn, lỏng... xuống hồ hoặc tập kết ở gần các sông, suối thuộc lưu vực hồ Núi Cốc gây bồi lắng lòng hồ và làm ô nhiễm nguồn nước hồ Núi Cốc.

**Điều 65:** Sản xuất nông lâm nghiệp trong lưu vực hồ phải đảm bảo theo đúng kế hoạch đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Nghiêm cấm việc sử dụng bừa bãi các loại phân hoá học, thuốc bảo vệ thực vật, các chế phẩm sinh học làm ô nhiễm nước hồ. Việc chăn thả các loại gia súc, gia cầm thủy sản trong khu vực lòng hồ phải tuân theo quy hoạch tổng thể chung, các khu chăn nuôi phải có chuồng trại hợp vệ sinh và phải có công trình xử lý chất thải không gây ra ô nhiễm môi trường, không ảnh hưởng tới du lịch, dịch vụ.

## CHƯƠNG IX

### PHÂN CẤP QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

31

**Điều 66:** Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên thống nhất quản lý nhà nước mọi hoạt động về bảo vệ môi trường trên phạm vi toàn tỉnh.

**Điều 67:** Sở KH-CN&MT là cơ quan giúp UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh có nhiệm vụ xây dựng chiến lược bảo vệ môi trường, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn bảo vệ môi trường; Tổ chức quan trắc giám sát môi trường; Đánh giá hiện trạng môi trường và tổ chức khắc phục các suy thoái, sự cố môi trường; Thường trực hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp phiếu Xác nhận môi trường; Giám định công nghệ xử lý chất thải; giáo dục, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường và nâng cao năng lực, tiềm lực quản lý bảo vệ môi trường của tỉnh.

**Điều 68:** Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường có trách nhiệm: thanh kiểm tra, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về ô nhiễm môi trường do các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh; Giải quyết tố cáo về ô nhiễm môi trường khi ô nhiễm môi trường xảy ra có liên quan giữa các huyện, thị xã, thành phố trong địa bàn tỉnh; Giải quyết khiếu nại tố cáo về ô nhiễm môi trường của các tổ chức, cá nhân đã được cấp huyện, các Sở, Ban, Ngành giải quyết còn có khiếu nại; Giải quyết khiếu nại về môi trường đối với quyết định hành chính, hành vi vi phạm hành chính của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

**Điều 69:** UBND các huyện, thành, thị, các Sở, Ban, Ngành, trong tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm lập quy hoạch, kế hoạch ngắn hạn, dài hạn về bảo vệ môi trường, thanh kiểm tra, giải quyết các đơn thư khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về môi trường thuộc lĩnh vực quản lý và phối hợp với Sở KH-CN&MT tỉnh thực hiện các chức năng bảo vệ môi trường và giải quyết các suy thoái, sự cố môi trường trong lĩnh vực quản lý theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và quyền hạn được giao.

**Điều 70:** Các huyện, thành, thị, các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh có bộ phận và cán bộ tham mưu giúp UBND các huyện, thành, thị và các Sở, Ban, Ngành thực thi toàn diện công tác quản lý bảo vệ môi trường và giải quyết các suy thoái, sự cố môi trường trong lĩnh vực quản lý theo quyền hạn được giao ở địa phương và phạm vi ngành quản lý.

**Điều 71:** Ủy ban nhân dân huyện, thành phố, thị xã thuộc tỉnh có thẩm quyền và trách nhiệm: Giải quyết khiếu nại tố cáo về ô nhiễm môi trường đối với các tổ chức, cá nhân do cấp huyện quản lý. Các Doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, Công ty TNHH, và các loại hình sản xuất dịch vụ, kinh doanh khác trên địa bàn huyện; Giải quyết đơn thư tố cáo về ô nhiễm môi trường khi ô nhiễm môi trường xảy ra có liên quan giữa các xã, thị trấn trong cùng một huyện; Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi vi phạm hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp; Giải quyết khiếu nại mà Chủ tịch UBND cấp xã, phường, thủ trưởng cơ quan thuộc UBND cấp huyện đã giải quyết chưa dứt điểm, có khiếu nại.

**Điều 72:** Giám đốc các Sở, Ban, Ngành (gọi chung là cấp sở) có thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo về ô nhiễm môi

trường đối với các tổ chức, doanh nghiệp trực thuộc sở; Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi vi phạm hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

**Điều 73:** Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) có thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết khiếu nại tố cáo về ô nhiễm môi trường đối với các tổ chức, cá nhân do cấp xã quản lý; Giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi vi phạm hành chính của mình, của người có trách nhiệm do mình quản lý trực tiếp.

**Điều 74:** Tổ chức, cá nhân gây ra ô nhiễm môi trường phải phục hồi lại môi trường, nếu gây thiệt hại phải bồi thường thiệt hại cho bên bị hại và chịu các hình thức phạt theo Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính về Bảo vệ môi trường của chính phủ. Tổ chức, cá nhân hoạt động vi phạm tiêu chuẩn môi trường, vi phạm các nội dung cam kết trong Báo cáo ĐTM, Bản Đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường đều phải chịu mọi phí tổn thanh tra, kiểm tra, lấy mẫu, phân tích mẫu theo quy định hiện hành.

**Điều 75 :** Tổ chức, cá nhân tố cáo các cá nhân và tổ chức khác gây ra ô nhiễm môi trường phải gửi đơn tới tổ chức cá nhân có thẩm quyền. Không gửi đơn thư khiếu nại, tố cáo vượt cấp. Trình bày trung thực sự việc, cung cấp tài liệu liên quan tới nội dung khiếu nại, tố cáo của mình và ký xác nhận những nội dung đã trình bày. Bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi khiếu nại, tố cáo sai sự thật của mình gây ra.

**CHƯƠNG X**  
**NGUỒN TÀI CHÍNH CHO NHIỆM VỤ**  
**BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

**Điều 76:** Tài chính cho nhiệm vụ bảo vệ môi trường của tỉnh gồm:

- Ngân sách nhà nước dành cho hoạt động bảo vệ môi trường, cho các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và quản lý về bảo vệ môi trường .
- Phí môi trường theo Thông tư 60/1998/TT-BTC ngày 13/5/1998 của Bộ Tài chính.
- Tiền đóng góp của các tổ chức, cá nhân có sử dụng các thành phần môi trường vào các mục đích sản xuất kinh doanh và có các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường theo quy định của cấp có thẩm quyền.
- Tiền thu phạt hành chính về vi phạm hành chính về bảo vệ môi trường.
- Các nguồn tài chính từ viện trợ của quốc tế, và các tổ chức, các nhà tài trợ trong và ngoài nước.

**Điều 77:** UBND tỉnh giao cho Sở KH-CN&MT và Sở Tài chính - Vật giá lập quỹ bảo vệ môi trường của tỉnh từ các nguồn thu tại điều 78 và theo nguyên

tác Người gây ô nhiễm phải trả tiền, Người sử dụng các thành phần môi trường phải trả tiền nhằm chủ động đối phó với các trường hợp đột xuất gây ô nhiễm, suy thoái, sự cố môi trường và hỗ trợ các giải pháp bảo vệ môi trường; Các dự án phát triển bền vững của tỉnh; Các công trình nghiên cứu khoa học điều tra cơ bản về tài nguyên môi trường, ô nhiễm môi trường và xây dựng cơ bản các công trình thiết yếu về bảo vệ môi trường.

## CHƯƠNG XI KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

**Điều 78:** Tổ chức, cá nhân có thành tích trong lĩnh vực bảo vệ môi trường được UBND tỉnh khen thưởng theo quy định hiện hành.

**Điều 79:** Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định về bảo vệ môi trường sẽ bị xử phạt hành chính theo nghị định 26/CP ngày 26/04/1996 của Chính phủ, xử lý kỷ luật, hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự tùy theo tính chất, mức độ vi phạm.

**Điều 80:** Tổ chức, cá nhân cố tình gây cản trở cho công tác thanh tra, kiểm tra môi trường sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành đối với những người gây rối, chống đối người đang thi hành công vụ.

## CHƯƠNG XII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 81:** Sở KH-CN&MT tỉnh phối hợp với các ngành có liên quan hướng dẫn, kiểm tra thực hiện, đồng thời tổng hợp tình hình công tác bảo vệ môi trường của tỉnh định kỳ báo cáo HĐND, UBND tỉnh, Bộ KH-CN&MT và Cục Môi trường.

**Điều 82:** UBND các huyện, thành, thị, các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể quần chúng, các cơ quan thông tin đại chúng và các UBND các phường, xã có trách nhiệm tuyên truyền, hướng dẫn nhân dân thực hiện Luật Bảo vệ môi trường, các văn bản pháp quy dưới luật và bản quy định này. Có trách nhiệm tổng hợp tình hình công tác bảo vệ môi trường trong lĩnh vực được giao, định kỳ báo cáo HĐND, UBND tỉnh và cung cấp dữ liệu cho Sở KH-CN&MT tổng hợp lập báo cáo về môi trường chung của tỉnh.

**Điều 83:** Bản quy định này có hiệu lực từ ngày ký, những quy định trước đây trái với quy định này đều bị bãi bỏ.

UỶ BAN NHÂN DÂN  
Tỉnh Thái Nguyên  
\*\*\*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----S.8b

Số : 1594/QĐ- UB

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 6 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**V/v khen thưởng 2 Đoàn phẫu thuật từ thiện trẻ em**  
**khuyết tật tại tỉnh Thái Nguyên**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND (sửa đổi)
- Căn cứ Nghị định số 56/1998/NĐ-CP ngày 30/7/1998 của Chính phủ quy định các hình thức, đối tượng và tiêu chuẩn khen thưởng.
- Căn cứ quyết định số 2288/QĐ-UB ngày 01/6/2001 của uỷ ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quy định về công tác khen thưởng 5 năm 2001-2005
- Theo đề nghị khen thưởng tại công văn số:259/UBND-SGD-TE ngày 29/5/2002 của Uỷ ban Dân số-Gia đình và Trẻ em tỉnh và thường trực Hội đồng thi đua khen thưởng tỉnh.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** Tặng Bằng khen của Uỷ ban nhân dân tỉnh cho:

- 1- Đoàn Phẫu thuật - Khoa Phẫu thuật tạo hình Bệnh viện Trung ương Quân đội 108
  - 2- Đoàn Phẫu thuật - Hội Phẫu thuật sọ mặt SEMIN-Hàn Quốc
- Vì đã có thành tích hoàn thành xuất sắc đợt phẫu thuật nụ cười nhân đạo cho trẻ em tỉnh Thái Nguyên năm 2002.

**Điều 2:** các ông, bà Chánh Văn phòng HĐND & UBND tỉnh, Hội đồng Thi đua khen thưởng tỉnh, Chủ nhiệm Uỷ ban Dân số-Gia đình và Trẻ em tỉnh và 2 tập thể được khen thưởng trong điều 1 thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận :**

- Như Điều 2
- Lưu VP-TĐ
- S.2 *Hết\**

TM/UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

CHỦ TỊCH



Lương Đức Tính

UỶ BAN NHÂN DÂN  
Tỉnh Thái Nguyên

\*\*\*

Số: 1595/QĐ-UB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----B.15

Thái Nguyên, ngày 04 tháng 6 năm 2002

**QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH**  
**V/v Phê duyệt Báo cáo đầu tư công trình**  
**đường Khuẩn Nghè - Bản Piềng xã Thanh Định huyện Định Hoá**

**UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Căn cứ Luật tổ chức HĐND & UBND.
- Căn cứ Nghị định của Chính phủ số 52 /1999/NĐ-CP ngày 08 /7/1999 về việc ban hành quy chế quản lí đầu tư và xây dựng, Nghị định số 12/2000/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2000 V/v Sửa đổi, bổ sung qui chế quản lí đầu tư & xây dựng.
- Căn cứ kế hoạch đầu tư công trình phê duyệt tại quyết định số 511/QĐ-UB ngày 27 tháng 02 năm 2002 của UBND tỉnh Thái Nguyên.
- Theo đề nghị của UBND huyện Định hoá tại công văn số 22/ CV ngày 28 tháng 5 năm 2002, của Sở Kế hoạch & đầu tư tại công văn số 469/TĐ-KH ngày 30 tháng 5 năm 2002.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1:** - Nay phê duyệt Báo cáo đầu tư công trình đường Khuẩn Nghè - Bản Piềng xã Thanh Định huyện Định Hoá như sau:

**1. Tên dự án:** Đường giao thông nông thôn Khuẩn Nghè – Bản Piềng xã Thanh Định huyện Định Hoá

**2. Địa điểm xây dựng:** Xã Thanh Định huyện Định Hoá

- Điểm đầu Km0: Đầu xóm Khuẩn Nghè.
- Điểm cuối Km3+260: Cuối xóm Bản Piềng.
- Chiều dài tuyến: 3,260Km.

**3. Qui mô và khối lượng hạng mục đầu tư chủ yếu.**

**3.1. Tiêu chuẩn kỹ thuật:** Trên cơ sở hiện trạng công trình cải tạo nâng cấp nền mặt đường theo tiêu chuẩn đường giao thông nông thôn loại B (22TCN-210-92) có chấu trước 1 số tiêu chuẩn:

- Bề rộng nền đường:  $B_n = 3,5m$ .
- Bề rộng mặt đường  $B_m = 2,5m$ .
- Tải trọng thiết kế: H13, X60.
- Tần suất thuỷ văn thiết kế:  $P=4\%$

- Bán kính đường cong nhỏ nhất  $R_{min} = 10m$
- Độ dốc dọc lớn nhất  $I_{max} = 12\%$ .

**3.2. Kết cấu mặt đường:**

- Đá dăm kẹp đất dày 14cm.

**3.3 Hệ thống thoát nước:**

- Hệ thống thoát nước ngang vĩnh cửu bằng BTCT và đá hộc xây vữa xi măng dạng cống tròn, bản. Tại vị trí đặt cống ngang bề rộng nền đường  $B_n = 4m$ .
- Hệ thống thoát nước dọc bằng rãnh đất đào trên.
- Hệ thống an toàn hướng dẫn giao thông theo quy định.

**4. Vốn đầu tư:**

|                      |                 |
|----------------------|-----------------|
| - Tổng mức đầu tư:   | 993 triệu đồng. |
| Trong đó: + Xây lắp: | 768 triệu đồng. |
| + Chi phí khác:      | 135 triệu đồng. |
| + Dự phòng:          | 90 triệu đồng   |

- *Nguồn vốn:* Vốn ngân sách nhà nước theo chương trình 135.

**Điều 2: Phân giao nhiệm vụ - Tổ chức thực hiện:**

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Định Hoá.
- Hình thức đầu tư: Cải tạo, nâng cấp.
- Hình thức tổ chức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý.
- Tư vấn lập BCĐT và TKKT-DT: Chỉ định thầu.
  - + Công ty tư vấn xây dựng nông nghiệp và PTNT Thái Nguyên .
- Thẩm định TKKT-DT: Sở Giao thông vận tải Thái Nguyên.
- Phê duyệt TKKT-DT: Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên
- Phương thức tổ chức thực hiện đầu tư: theo quy định hiện hành.
- Thời gian xây dựng: + Khởi công năm 2002.
  - + Hoàn thành năm 2003

**Điều 3 :** - Các Ông , Bà : Chánh Văn phòng HĐND&UBND tỉnh, Thủ trưởng các ngành: Sở Kế hoạch & đầu tư, Sở Tài chính vật giá, Kho bạc nhà nước

tỉnh Thái Nguyên, Sở Giao thông vận tải, UBND huyện Định Hoá và các đơn vị thiết kế, thi công chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 3
  - Lưu VP-XDCB -SXKD
- B.018

*BL*

T/M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN  
CHỦ TỊCH



*Lương Đức Tính*

Lương Đức Tính